SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 353 /QĐ-KSBT

Cần Thơ, ngày 10 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán kiểm định, hiệu chuẩn, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị máy móc chuyên môn các chương trình, kế hoạch năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác Công tư và Luật đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải Quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1392/QĐ-SYT ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Sở Y tế thành phố Cần Thơ vè việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 2291/QĐ-SYT ngày 12 tháng 09 năm 2026 của Sở Y tế thành phố Cần Thơ về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 305/QĐ-KSBT ngày 06 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ về việc thành lập Tổ Chuyên gia lựa chọn nhà thầu cung cấp hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế và dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị y tế các chương trình, kế hoạch năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và công nghệ cơ sở ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ về việc thống nhất chủ trương mua hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế và dịch vụ hiệu chuẩn, kiểm định, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị y tế các chương trình, kế hoạch năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Tờ trình số 03/TTr-TCG-KSBT ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Tổ chuyên gia về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán kiểm định, hiệu chuẩn, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị máy móc chuyên môn các chương trình, kế hoạch năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán kiểm định, hiệu chuẩn, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị máy móc chuyên môn các chương trình, kế hoạch năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Tổ chuyên gia và các khoa, phòng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Lưu VT,.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Huỳnh Minh Trúc

Phụ lục
Kế hoạch lựa chọn nhà thầu
dự toán kiểm định, hiệu chuẩn, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị máy móc chuyên môn các chương trình, kế hoạch năm 2026
của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ
(Kèm theo Quyết định số 353 /QĐ-KSBT ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu[3]		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ	Gói thầu số 01: Kiểm định, hiệu chuẩn, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị máy móc chuyên môn.	Thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị máy móc chuyên môn theo mặt hàng (84 mặt hàng); Đánh giá theo từng mặt hàng.	92.482.896	Dự toán chi ngân sách năm 2026 và nguồn thu hợp pháp khác.	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn, trong nước, qua mạng.	-	45 ngày	Quý IV năm 2026	Hợp đồng trọn gói.	03 tháng	Không áp dụng
1.1		Bộ quả cân E2 (Mã TB: 070-A)		3.780.000								
1.2		Cân phân tích Sartorius Practum 224-1S (Mã TB: 091-A, 016-B)		1.050.000								

1.3		Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao Hitachi L2000 (Mã TB: 018-A)	4.000.000								
1.4		Nhiệt kế chỉ thị số Testo 925 (Mã TB: 037-B)	650.000								
1.5		Máy quang phổ tử ngoại khả kiến Shimadzu UV-1800 (Mã TB: 075-A)	1.890.000								
1.6		Bể điều nhiệt JSR JSWB-33T (Mã TB: 105-A)	800.000								
1.7		Cồn kế VIKI (Mã TB: 108-A)	500.000								
1.8		Nhiệt kế thủy tinh chất lỏng Fisher (thủy ngân) (Mã TB: 109-A)	338.800								
1.9		Dụng cụ đo độ ẩm và nhiệt độ không khí TH600B (Mã TB: 016-A; 048-A; 064-A; 065-A)	1.680.000								
1.10		Tủ sấy Memmert UN-100 (Mã TB: 112-A /VS.46)	760.000								
1.11		Micropipette 100-1000 µL Rainin (Mã TB: PM 1000-2)	210.000								
1.12		Micropipette 100-1000 µL Biosan (Mã TB: PM1000-4)	210.000								
1.13		Micropipette 10-100 µL Hirschmann (Mã TB: PM100-1)	210.000								
1.14		Micropipette 1000-5000 µL Nichiryo (Mã TB: PM5000-3)	210.000								
1.15		Micropipette 5-50 µL Hirschmann (Mã TB: I-50-1)	210.000								
1.16		Nồi hấp tiệt trùng ALP (CL-32L) (Mã TB: 001-B)	780.000								

1.17		Nồi hấp tiệt trùng ALP (CL-32L) (Mã TB: 001-B)	629.200								
1.18		Nồi hấp tiệt trùng HYSC (AC-60) (Mã TB: 002-B)	780.000								
1.19		Nồi hấp tiệt trùng HYSC (AC-60) (Mã TB: 002-B)	629.200								
1.20		Tủ ấm Memmert IN 110 (37°C) (Mã TB: 003-B)	700.000								
1.21		Tủ ấm PANASONIC MIR 154 (44°C) (Mã TB: 004-B)	700.000								
1.22		Tủ ấm Memmert IN 110 (30°C, 35°C) (Mã TB: 005-B)	700.000								
1.23		Tủ ESCO CLASS II BSC (AC2-4E1) (Mã TB: 075-B)	2.779.387								
1.24		LAMINAR FLOW CABINET ESCO (AVC 4D1) (Mã TB: 011-B)	1.616.436								
1.25		Tủ ấm Sanyo MCO-18AC (Mã TB: 028-B)	700.000								
1.26		Nhiệt ẩm kế (Mã TB: 031-B, 032-B, 033-B, 034-B)	1.680.000								
1.27		Nhiệt kế chuẩn đầu dò Control 4000 (Mã TB: 038-B)	650.000								
1.28		Micropipette BIOHIT (Mã TB: B-1000-1)	210.000								
1.29		Micropipette BIOHIT (Mã TB: B-200-1)	210.000								
1.30		Cân kỹ thuật Ohaus Scout TM Pro - SPS 202F (Mã TB: 014-B)	525.000								

1.31		Máy Ly tâm Kubota 5100 (Mã TB: 003-F)	630.000								
1.32		Máy Rửa (ElX50) (Mã TB: 001-F)	1.430.000								
1.33		Máy ủ Elia (IPS) (Mã TB: 002-F)	800.000								
1.34		Máy đọc Elisa (PR 2100) (Mã TB: 005-F)	1.995.000								
1.35		Tủ lạnh âm sâu (-20 đến -30 độ) (Mã TB: 010-F)	630.000								
1.36		Tủ lạnh chuyên dụng (MPR414F) (Mã TB: 012-F)	677.966								
1.37		Tủ ATSH cấp 2 (AC2-4E1) (Mã TB: 015-F)	2.779.387								
1.38		Nồi hấp ướt (KT-40) (Mã TB: 037-F)	570.000								
1.39		Micropipette 10 µl (Mã TB: F-10-1)	300.000								
1.40		Micropipette 5 - 50µl (Mã TB: F-50-1)	300.000								
1.41		Micropipette 10 - 100 µl (Mã TB: F-100-1)	300.000								
1.42		Micropipette 100 - 1000 µl (Mã TB: F-1000-1)	300.000								
1.43		Tủ lạnh Sanyo-MDF-U334 (PT-BQ-001)	900.000								
1.44		Tủ mát SANAKY- VH-408W3L (PT-BQ-003)	800.000								
1.45		Tủ lạnh âm sâu - MDF-U33V-PB (PT-BQ-004)	900.000								
1.46		Tủ âm sâu Haier (-20°C) (PT-BQ-005)	900.000								
1.47		Micropipette 100-1000µl-Sartorius (D-1000-2)	300.000								

1.48		Micropipette 100-1000µl (Mã thiết bị: D-1000-3; D-1000-4)	600.000								
1.49		Micropipette 0,5-10µL (D-10-2)	300.000								
1.50		Micropipette 20-200µl- BioRad (D-200-1)	300.000								
1.51		Micropipette 2-20µl-Biohit proline plus (D-20-1)	300.000								
1.52		Micropipette 5-50µl (D-50-2)	300.000								
1.53		Máy ly tâm lạnh Hettich Mikro 200R (PT-HT-003)	1.000.000								
1.54		Tủ ATSH cấp II Bioair - TOP SAFE 1.5 (PT-HT-008)	1.500.000								
1.55		Máy ly tâm lạnh Eppendorf 5702R - 5702R (PT-HT-013)	1.000.000								
1.56		Tủ thao tác PCR (PT-HT-017)	1.500.000								
1.57		Micropipette 0,5-10µL (PT-HT-025)	300.000								
1.58		Micropipette 2-20µL (PT-HT-026)	300.000								
1.59		Micropipette 10-100µL (PT-HT-027)	300.000								
1.60		Micropipette 20-200µL (PT-HT-028)	300.000								
1.61		Micropipette 100-1000µL (PT-HT-029)	300.000								
1.62		Micropipette 0,5-10µL (Mã TB: PT-HT-030;PT-HT-031)	600.000								
1.63		Micropipette 10-100µL (Mã BT: PT-HT-034; PT-HT-035)	600.000								
1.64		Micropipette 2-20µL (Mã TB: PT-HT-036; PT-HT-037)	600.000								

1.65		Micropipette 20-200µL (PT-HT-038)	300.000								
1.66		Micropipette 20-200µL (PT-HT-040)	300.000								
1.67		Micropipette 2-20µL (PT-HT-041)	300.000								
1.68		Tủ ATSH cấp II ESCO - AC2-4S1 (PT-HT-044)	1.500.000								
1.69		Máy RT-PCR DNA- DT PRIME5 (PT-XN-003)	3.500.000								
1.70		Máy RT-PCR 7500 Fast DX (PT-XN-004)	3.500.000								
1.71		Máy tách chiết tự động-SMART Labassist-32 (PT-XN-006)	2.200.000								
1.72		Máy tách chiết tự động TanBead-SLA-E13200 (PT-XN-007)	2.200.000								
1.73		Máy tách chiết và tinh sạch DNA/RNA và Protein tự động 96 mẫu-KingFisher Flex (PT-XN-012)	2.200.000								
1.74		Máy đo tiếng ồn - NL-42EX (001-MT)	1.200.000								
1.75		Máy đo điện từ trường tần số công nghiệp - HI-3604 (004-MT)	6.000.000								
1.76		Máy hút mẫu vi sinh trong không khí - MAS-100NT (010-MT)	2.600.000								
1.77		Máy đo pH da - HI99181 (028-MT)	730.000								
1.78		Máy đo chức năng hô hấp - HI-801 (015-MT)	2.720.000								
1.79		Tủ sấy TB: 015-SKSS Model: LDO-060E	1.365.000								

1.80		Tủ lạnh dương TCW4000AC Mã :037-DUOC,038-DUOC	1.519.380								
1.81		Tủ lạnh dương TCW4000AC Mã :01-DUOC,02-DUOC,03-DUOC,04-DUOC	3.038.760								
1.82		Tủ lạnh dương TCW4000AC Mã :081-DUOC-ST004,082-DUOC-ST005	1.519.380								
1.83		Tủ lạnh âm MF314 Mã: 05-DUOC	695.000								
1.84		Tủ lạnh âm MF314 Mã: 76-DUOC-TS339	695.000								
Tổng giá 01 gói thầu			**92.482.896 đồng** *(Chín mươi hai triệu, bốn trăm tám mươi hai nghìn, tám trăm chín mươi sáu đồng)*								